

DẤU ẤN CHƯƠNG THỜI TÂY SƠN TRÊN VĂN BẢN HÁN NÔM HUẾ (Tiếp theo)

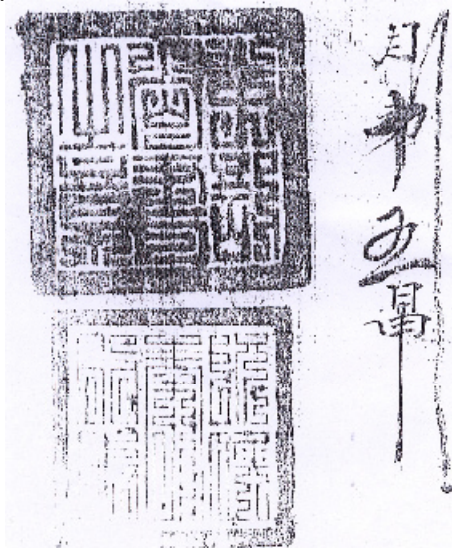
Lê Nguyễn Lưu*

LTS: Bài viết là một khảo cứu chi tiết về ấn triện và dấu ấn triện thời Tây Sơn trên các văn bản Hán Nôm còn lưu giữ được ở Thừa Thiên Huế. Ở phần trước (tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* số 3 (67). 2008) tác giả đề cập đến các dấu ấn của hoàng đế (*Quảng vận chi bảo, Sắc mệnh chi bảo*) và ấn của nhóm đại thần tín cẩn trong triều đình của vua Quang Trung (*Triều đường chi ấn*).

3. Ấn của bộ viện

Bộ viện là nói chung những cơ quan của chính quyền trung ương. Chúng ta chỉ biết chắc chắn là vua Quang Trung tái lập tổ chức lục bộ Lại (coi về quan chức, điều bổ, thưởng phạt), Hộ (coi về nhân dân, thuế má, sưu dịch), Lễ (coi về lễ nghi, giáo dục, khoa cử), Binh (coi về quân đội, lương thảo, voi ngựa), Hình (coi về pháp luật, án kiện, ngục tụng), Công (coi về xây dựng, cung điện, đường sá), nhưng các tổ chức chuyên biệt khác thì không rõ bao gồm những gì, chỉ biết được vài cơ quan thông qua tiểu sử các nhân vật, như Trần Văn Kỷ liên quan với Trung Thư Tỉnh, Huỳnh Đình Túc liên quan với Thái Y Thự hay Y Lâm Viện... Tuy nhiên, loại văn bản Hán Nôm ở Thừa Thiên Huế có dấu ấn triện của các cơ quan trung ương rất hiếm. Chúng tôi xin giới thiệu một tờ “thân” của xã Hồng Ân.

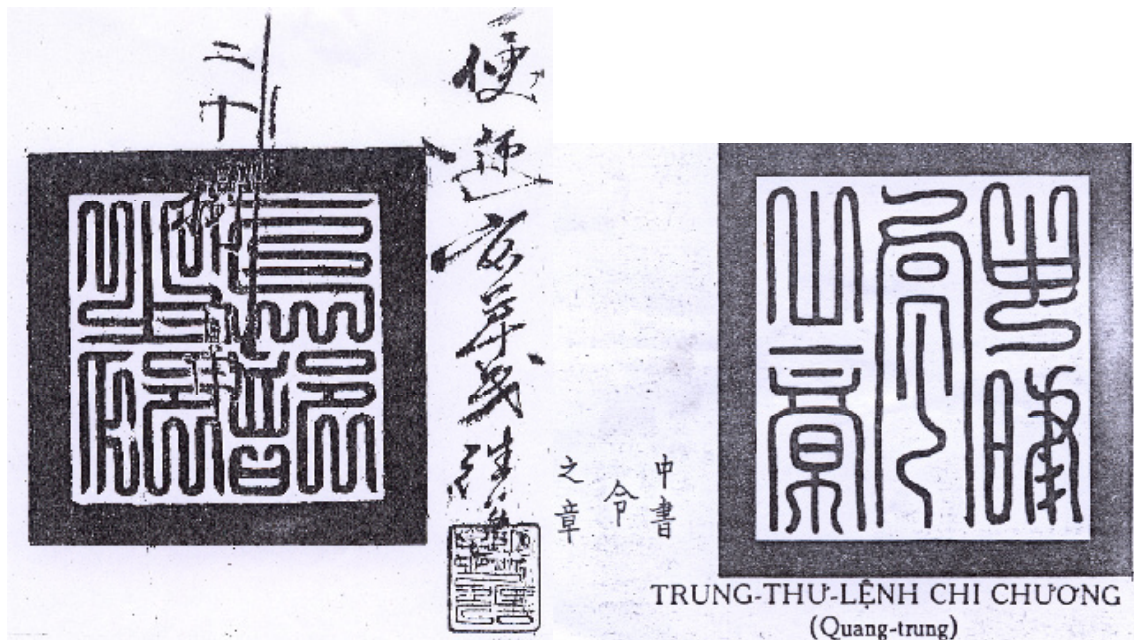
Văn bản gồm hai tờ khổ rộng, tờ gấp đôi thành hai trang, mỗi trang cỡ 21cm x 31cm. Trang đầu và trang thứ hai ghi nội dung “富榮縣洪恩社員職全長本社等 Phú Vang huyện Hồng Ân xã viên chức, trù trưởng tính bốn xã đẳng” (Chúng tôi là các viên chức và trù trưởng của xã Hồng Ân huyện Phú Vang) giải bày về việc trong xã nhiều người vào lính các vệ, hiệu, thuyền, đội, trong đó có người ra trận hoặc bị bệnh chết ở Bắc kinh (Thăng Long), xã vẫn cấp khẩu phần lương điền (ruộng ăn lương) cho đến khi hết tang. Riêng thợ vệ Sư Trình thuộc đạo Hữu Bật được “ngự tứ kim phê” (vua phê ban cho)



Dấu ấn Lại Bộ Thượng thư chi chương (trên) và Nguyễn Hậu phụng hành sự (dưới) trên tờ thân của xã Hồng Ân đề ngày 15 tháng Giêng năm Quang Trung 3 (1790).

* Thành phố Huế.

mà chưa có lương điền, nên lấy lương điền của thợ Thận trước kia cấp cho. Vợ y là “mẹ Thận” làm đơn gian dối lấy công vun đắp ruộng ấy số tiền hơn mười quan không trả lại, tham lam chiếm lấy, xin trên phân xử. Lời phê của quan ở cuối trang thứ hai. Trang thứ ba (tờ thứ hai) đề “光中三年繼正月十五日 *Quang Trung tam niên kế chính nguyệt thập ngũ nhật*” (ngày 15 tháng Giêng kế năm Quang Trung thứ ba).⁽¹⁾ Bên trái ngang chữ “nguyệt” trở xuống đóng dấu ấn vuông cỡ 7cm x 7cm, gờ viền dày 0,6cm, khắc 3 dòng, dòng 3 chữ, nét dày 0,1cm: 吏部尚書之章 *Lại Bộ Thượng thư chi chương*. Chữ “chi” này đồng dạng với chữ “chi” trên ấn *Sắc mệnh*. Đầu các nét uốn theo hoa văn khá mỹ thuật. Ngay sát phía dưới ấn này còn có thêm một dấu ấn nhỏ hơn, cỡ 6cm x 6cm, đường gờ viền 0,4cm, khắc 5 chữ triện nét mảnh, ba dòng bố trí theo kiểu 2 + 1 + 2 chữ, họ tên của quan chức: 阮候奉行事 *Nguyễn Hậu phụng hành sự* (Nguyễn Hậu kính vâng làm việc). Không rõ ông Nguyễn Hậu này là Thượng thư Bộ Lại, hay thay mặt bộ để “hành sự”? Chúng ta còn “gặp lại” ông nhiều lần nữa.



Hình dấu *Hộ Bộ chi ấn* trên tờ thân của xã Xuân Hòa đề ngày 28 tháng Hai năm Cảnh Thịnh 5 (1797).

Hình dấu *Trung thư lệnh chi chương* trong thư Trần Văn Kỷ gửi La Sơn phu tử (Hoàng Xuân Hãn, *La Sơn phu tử*)

Ấn của Bộ Hộ thì khắc theo kiểu khác, thấy trên một văn bản của làng Xuân Hòa (xã Hương Long, thành phố Huế). Giấy khổ rộng, cỡ 42cm x 35,5cm, gấp đôi thành hai trang, trang trước ghi nội dung dân xã xin mở lại bến đò ngang, trang sau đề niên đại ngày 28 tháng trọng xuân năm Cảnh Thịnh thứ 5 (26/3/1797), bên phải là dòng phê của quan, phía dưới đóng dấu 戶部之印 *Hộ Bộ chi ấn*, khổ vuông, mép trên trùn lên chữ “八 bát” (số lẻ chỉ ngày) chứ không trùn lên chữ “五 ngũ” (số chỉ năm) như ấn của Hoàng đế và Triều đình, cỡ 9,3cm x 9,3cm, khắc hai dòng, dòng hai chữ, nét tròn

trịa, dày 0,15cm, uốn lượn khá mỹ thuật; riêng chữ “chi”, nét sổ giữa dính liền nét ngang đáy (nét này bên phải uốn lên một chút rồi bẻ vào trong đến gần nét sổ), nét chữ U trên biến thành hai nhánh chên nhau, nhánh bên trái xuất phát thấp hơn một chút, nhưng cũng đều uốn lượn theo một cách như nhau.

Chúng tôi không có trong tay một văn bản nào mang dấu ấn triện của các cơ quan chuyên biệt tại chính quyền trung ương, mặc dù ở Huế không ít người làm việc trong các cơ quan ấy. Hoàng Xuân Hãn cung cấp một văn bản, bức thư có đóng dấu *Trung thư lệnh chi chương* của Trung thư lệnh Trần Văn Kỷ gửi quê cay cho Nguyễn Thiếp. Gần đây, Nguyễn Công Việt chụp ảnh được lá thư này từ một gia đình họ Nguyễn (gốc Nghệ An hiện ở Quy Nhơn) và mô tả như sau: “*Bức thư chữ Hán có 5 dòng nội dung và một dòng ghi niên đại. Hai chữ ở hai dòng đầu rách mờ mất gần hết chữ, chữ áp chót cũng bị mờ mất một nửa. Văn bản này đã được cố GS Hoàng Xuân Hãn công bố trong cuốn La Sơn phu tử. Ảnh chụp của Giáo sư còn giữ được nguyên vẹn không bị mờ mất 3 chữ dòng đầu và dòng thứ 2 như bức ảnh này. GS Hoàng đã giới thiệu bản dịch (không phiên âm) và cũng khẳng định rằng đây là bút tích của Trần Văn Kỷ*”.⁽²⁾

Bức thư này Hoàng tiên sinh dịch như sau:⁽³⁾

Trung thư lệnh Kỷ Thiện hầu Trần Văn Kỷ kính trọng viết thư trình La Sơn đại lão tiên sinh.

Tôi tự biết nhọc quá rất cay không thể điều dụng được. Vì sau lúc từ biệt ở Trấn doanh, tôi nghĩ đến ngài đã dặn về việc ấy, tôi không dám bỏ qua. Tôi bèn chọn Khánh thọ quê bầy phiến, cân được ba lạng, gói lại, đánh dấu và bỏ vào ống, gửi cho ông Hàn lâm viện Thừa chỉ kiêm Công khoa đồ cấp sự trung Ôn Đình bá chuyển đệ. Rất mong Tiên sinh xem và nhận cho. Nay kính thư.

Quang Trung năm thứ 2, ngày 24 tháng Chín (1789).⁽⁴⁾

Nguyễn Công Việt mô tả tiếp: Kể cả dòng ghi niên đại, toàn văn bản có 99 chữ. Dòng đầu với 14 chữ là “*Trung thư lệnh Kỷ Thiện hầu Trần Văn Kỷ tái bái cẩn thư vu*”. Cuối phần chính văn bản là hai chữ “*Cẩn thư*”. Trên ba chữ “*cẩn thư vu*” (ở trên) và “*cẩn thư*” (ở dưới) là một hình dấu kiểm nhỏ. Hai hình dấu này đều được đóng từ một quả ấn ra. Dòng ghi niên đại có 10 chữ *Quang Trung nhị niên cửu nguyệt nhị thập tứ nhật* 光中二年九月二十四日. Dưới chữ “*nhật*” là một hình dấu có màu mực tím đen in ngay ngắn, bên trong là năm chữ triện xếp theo bố cục với chữ ở giữa lớn gấp đôi các chữ khác. Việc xác định con dấu cũng là một trong những tiêu chí quan trọng để khẳng định bút tích của Trần Văn Kỷ.⁽⁵⁾ Những hình ảnh có được đều do chụp và sao lại, nên không thể tiến hành đo đạc. Đại khái dấu ấn vuông, gờ viền khá dày, nét chữ khắc hơi mảnh, các nét uốn tròn chứ không gãy góc, đặc biệt chữ “*書 thư*” bộ “*日 nhật*” (thật ra là bộ “*日 viết*”) nằm bên trái chứ không phải ở dưới như bình thường, còn chữ “*chi*” nét chữ U trên cũng uốn hai nhánh như ấn *Sắc mệnh*, nhưng nét ngang dưới tách rời ra. Ấn này là của cơ quan, nhưng chỉ do một người duy nhất sử dụng, đó là Trần Văn Kỷ. Ông đã giữ chức này từ đầu đến cuối thời Tây Sơn trên đất Thuận Hóa (không kể một thời gian ngắn bị Bùi Đắc Tuyên lưu đày).

Ngoài ra, các viên chức trung ương được cử đi làm việc các nơi hay chuyên trách một công việc gọi là khâm phái, khâm sai, phụng sai, đặc sai, cai lại đều được cấp ấn riêng để “hành sự”. Loại ấn này khá phức tạp, đa dạng, mẫu mã khác nhau, hình như nhà nước không có quy định. Xã Hồng Ân (Thanh Phước) còn lưu giữ một văn bản gồm một tờ giấy lớn cỡ 39cm x 34cm, gấp đôi thành hai trang. Trang trước ghi nội dung, mở đầu: “特差大巡檢浚公 *Đặc sai đại tuần kiểm quận công*”, “phó” cho viên chức xã Hồng Ân, huyện Phú Vang ghi bốn tên lính của vệ Hùng Cự Khai thuộc đạo Hòa Nghĩa vào sổ, theo đó cấp cho họ ruộng lương và ruộng đất khẩu phần (quân cấp). Trang sau chỉ một dòng niên đại, đề “景盛五年九月十柒日 *Cảnh Thịnh ngũ niên cửu nguyệt thập thất nhật*” (ngày 17 tháng Chín năm Cảnh Thịnh thứ năm, dương lịch 5/11/1797); dưới dòng này đóng dấu tròn lên đầu chữ “nhật”, khổ 9,3cm x 9,3cm; gờ viền dày 1cm; trong khắc năm chữ 大巡檢之印 *Đại tuần kiểm chi ấn*, bố trí hai dòng, bên phải 3 chữ, bên trái 2 chữ, nét tròn trịa, uốn lượn mềm mại, dày 0,2cm. Trong chính văn đóng nhiều dấu kiềm nhỏ hình bầu dục, khắc hai chữ triện nét mảnh như sợi chỉ, chúng tôi tạm đọc là “止信 *chỉ tín*”.

Cũng có trường hợp ấn không đề chức danh như thế, mà chỉ khắc họ tên của viên quan, như trên một tờ đơn “thân” của xã Hồng Ân khổ giấy lớn gấp đôi thành hai trang, mỗi trang cỡ 21,5cm x 32,5cm. Trang trước ghi nội dung viên chức xã hỏi về việc lính bộ binh thuộc vệ ba *Thị nội Hùng Cự* và lính thủy binh *Tiền Dục cơ tả chi* tào từ năm Mậu Thân (1788) đến nay hoặc ra trận chết ở Bắc thành không đưa hài cốt về, hoặc chết bệnh ở nhà, thì ruộng lương và ruộng khẩu phần được hưởng kỳ hạn bao lâu. Trang sau, giữa đề 光中二年繼七月初玖日申 *Quang Trung nhị niên kế thất nguyệt sơ cửu nhật thân* (thân ngày mồng 9 tháng Bảy kế năm Quang Trung thứ hai - năm này lịch ghi nhuận tháng Năm, còn mồng 9 tháng Bảy đối chiếu dương lịch là ngày 10/8/1789), bên phải quan phê cho ăn khẩu phần đến hết tang, lương điền đến hết vụ thu; ngay dưới chữ “thân” dòng niên đại đóng khuôn dấu tên hình vuông cỡ 5,5cm x 5,5cm, gờ viền dày 0,3cm, khắc năm chữ 阮候奉行事 *Nguyễn Hậu phụng hành sự*, 3 dòng bố trí kiểu 2 + 1 + 2, chữ giữa cao bằng cả hai chữ bên, nét mảnh, uốn tròn góc. Ngang bên cạnh, chỉ cách 0,3cm, lại đóng khuôn dấu nhỏ hơn chút ít, vuông, cỡ 5,2cm x 5,4cm, đường gờ viền dày 0,3cm, mặt trong cũng khắc năm chữ y như vậy nhưng kiểu dáng hơi khác. Nhân vật này là Thượng thư Bộ Lại như đã thấy trong ấn *Lại Bộ Thượng thư chi chương* đã dẫn trên đây. Ngoài ra, ở giữa cuối trang trước có một dấu ấn kiềm nhỏ hình vuông cỡ 2cm x 2cm, gờ viền 0,1cm, khắc hai chữ 信記 *Tín ký* theo thứ tự từ trái sang phải, nhưng chung bộ “ngôn” (chữ “ký” chỉ còn lại chữ “己 kỷ”).

Hai dấu ấn này còn thấy trong tờ đơn “thân” của bà Phan Thị Mi xã Hồng Ân, vợ của lính Thận nguyên theo quân thuộc đội Tả Thuyền thợ, khổ giấy như trên. Trang đầu là lời “kể khổ” vì chồng theo quân ra “Bắc kinh”, ở nhà chỉ “ăn” một mẫu ruộng lương, năm làm một vụ, may được vua cho miễn thuế tô; ngày mồng 6 tháng Tám lại hay tin chồng chết, mất cả thi hài; xã không thương thì chớ, còn thu lấy ruộng, khiến năm xương khô không biết nhờ vào đâu, xin quan giải quyết để kiếm sống và thờ chồng.

Trang sau, niên đại một dòng chính giữa: 光中二年九月二十玖日申 *Quang Trung nhị niên cửu nguyệt nhị thập cửu nhật thân* (trình ngày 29 tháng Chín năm Quang Trung thứ hai, tức ngày 13/11/1789). Quan phê đến hơn bốn dòng, nhưng cũng đồng ý bảo xã cấp lương điền cho “mụ Thận”. Bên trái dòng phê cuối, phía dưới, đóng hai dấu ấn đều khắc năm chữ nét mảnh, bố trí theo kiểu 2 + 1 + 2: 阮候奉行 *Nguyễn Hậu phụng hành sự*, nhưng kiểu dáng khác hẳn. Ấn nhỏ đóng phía trên, là dấu ấn lớn trong tờ thân của viên chức xã, còn dấu ấn lớn đóng phía dưới, cỡ 6cm x 6cm, đường gờ viền dày 0,4cm, nằm gần sát mép dưới tờ giấy. Một ông quan sao mà lăm ăm thế!? Dấu kiềm đóng bên phải sát mép giấy ở khoảng giữa trang, hình gần vuông cỡ 3,7cm x 3,0cm, khắc đầy đủ hai chữ 信記 *Tín ký*.

Cai lại cũng là người của bộ sai phái về các địa phương (huyện) giám sát tuyển trường (như cuộc kiểm tra dân số để bổ thuế và lấy lính). Họ nắm nhiều quyền (thay cấp trên) giải quyết các việc liên quan và có khuôn dấu riêng do bộ tạm cấp để sử dụng trong thời gian làm việc. Mẫu khuôn dấu này hình như khá thống nhất về kiểu dáng, song vẫn dị biệt về kích cỡ. Ví dụ một giấy chứng nhận nộp tiền suất thập vật của xã Hồng Ân, trang đầu chỉ hai dòng ghi số tiền đang nộp, trang sau ở giữa ghi 光中五年五月初八日申 *Quang Trung ngũ niên ngũ nguyệt sơ bát nhật thân* (ngày mùng 8 tháng Năm năm Quang Trung 5, dương lịch: 23/6/1792), dưới cách khoảng 1cm đóng dấu khuôn ấn khổ 5,8cm x 7,6cm, đường gờ viền dày 0,5cm, khắc 9 chữ 奉差富春京付視該吏 *Phụng sai Phú Xuân kinh phó thị cai lại*, chia ba dòng, bên phải 2 chữ, giữa 3 chữ, bên trái 4 chữ, đều nét mảnh, gấp khúc nhiều...

Trên một tờ đơn của xã Hồng Ân gồm ba tờ giấy khổ lớn, gấp đôi thành sáu trang, mỗi trang kích cỡ 17,5cm x 33,0cm, trang 1 và 2 ghi nội dung về việc cấp lương điền cho những người gia nhập các vệ, hiệu quân đội, xin trên cấp bằng để tránh sự tranh giành; trang 3 và 4 liệt kê danh sách những người được cấp ruộng in dấu tay; trang 5 giữa đề 景盛二年八月初貳日申 *Cảnh Thịnh nhị niên bát nguyệt sơ nhị nhật thân* (trình ngày mùng 2 tháng Tám năm Cảnh Thịnh 2, dương lịch: 26/9/1794), quan phê chữ đá thảo lớn tràn cả hai bên, phía dưới bên phải ghi tiếp tên bốn người. Sát dưới chữ “thân” đóng khuôn dấu lớn khổ 7,3cm x 11cm, đường gờ viền dày 0,8cm, bốn góc bẻ cong, khắc bốn chữ 吏部尚書 *Lại Bộ Thượng thư*, chia 2 dòng, dòng 2 chữ, nét mảnh nhưng rất rườm rà, quanh quẹo khó đọc. Cuối phần chính và cuối lời phê còn đóng dấu kiềm nhỏ hình hơi vuông cỡ 2,8cm x 3,0cm, khắc bốn chữ 該吏之信 *Cai lại chi tín* (chữ “tín” bộ “nhân” biến thành nét bao trùm ngoài chữ “ngôn”), nét mảnh chia hai dòng, dòng hai chữ.

Một dấu ấn khác trên tờ đơn của xã Hồng Ân đề 景盛元年七月十肆日申 *Cảnh Thịnh nguyên niên thất nguyệt thập tứ nhật thân* (ngày 14 tháng Bảy năm Cảnh Thịnh 1, dương lịch: 20/8/1793), khổ: 6,0cm x 8,5cm, đường gờ viền dày 0,5cm, khắc 9 chữ 奉差富春京付視該吏 *Phụng sai Phú Xuân kinh phó thị cai lại*, chia ba dòng đúng như ấn năm Quang Trung thứ năm dẫn trên đây. Lại một dấu ấn trên đình bạ của xã Đức Bưư đề 景盛八年十二月十五日 *Cảnh Thịnh bát niên thập nhị nguyệt thập ngũ nhật* (ngày 15 tháng Chạp năm Cảnh Thịnh 8, dương lịch: 29/1/1801), khổ: 5,5cm x 8,3cm, đường

gờ viền cũng 0,5cm, cũng khắc 9 chữ 奉差富春京付庸該吏 *Phụng sai Phú Xuân kinh phó dung cai lại*, nhưng chỉ chia hai dòng, bên phải 5 chữ, bên trái 4 chữ, nét đều rất mảnh và bề góc gấp khúc rất nhiều.

II. Dấu ấn của địa phương

1. Dấu ấn hành chính

Thời chúa Nguyễn, đơn vị lớn nhất của địa phương là dinh và trấn, xuống dưới có huyện, rồi đến xã, phường, thuộc. Sang thời Tây Sơn, tất cả vẫn được giữ nguyên, nhưng hệ thống quan chức không rõ thay đổi như thế nào (trừ xã, phường). Điều chắc chắn là chức danh tri huyện bị xóa bỏ, vì không thấy văn bản nào nhắc đến, và thay bằng “quản lý”, “tả hữu quản lý quan”, còn xã và phường thì tùy dân số đông hay ít mà có hai hay ba viên xã chính, xã sử, xã tư. Chẳng hạn, bản sao tờ truyền của huyện Phú Vang thấy trong hòm bộ của xã Hồng Ân về việc sao chép và luân chuyển tờ chiếu hạn chế chùa chiền và sư sãi do Đức quốc công (Thái sư Bùi Đắc Tuyên) ban hành ngày mồng 4 tháng Giêng năm Cảnh Thịnh 3 (24/1/1795). Đáng tiếc là bản sao của xã, chữ viết nguệch ngoạc và không đóng dấu ấn.^(*)

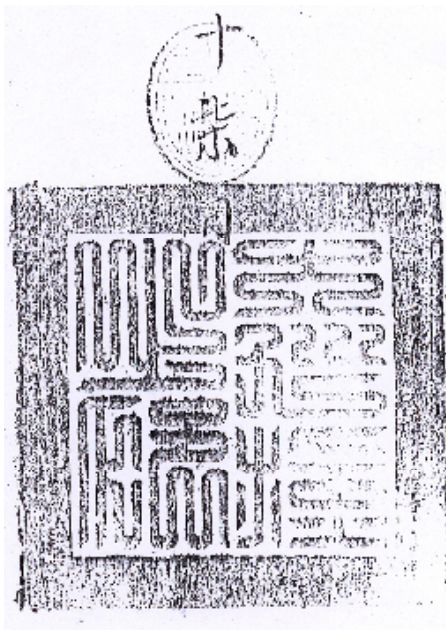
Nguyễn Công Việt cho biết: “*Tại một gia đình họ Đèo (họ Ngô) ở xã Viên Sơn, huyện Mê Linh hiện còn lưu giữ một quả ấn đồng cổ. Núm ấn hình chuôi vồ tròn, có đường kính 1cm, chiều cao tính cả đế ấn là 3,5cm. Mặt ấn được đúc theo hình chữ nhật có kích thước 5,6cm x 8,5cm và dày 1cm. Mặt trên ấn phía bên phải khắc 5 chữ Hán Tân Hợi niên đông tạo, phía bên trái khắc 5 chữ Hán Bằng Tuyên huyện quản lý (憑泉縣管理). Nét chữ viết theo lối chân thư dễ đọc. Dấu hình chữ nhật có kích thước 9,8cm x 6,6cm, viền ngoài để cỡ 0,5cm. Văn khắc là 5 chữ triện xếp theo hai hàng dọc, hàng bên phải là ba chữ Bằng Tuyên huyện 憑泉縣, hàng bên trái là hai chữ quản lý 管理, kích thước của hai chữ “quản lý” cao bằng ba chữ “Bằng Tuyên huyện.”*”⁽⁶⁾

Việc xác định niên đại quả ấn này khá dễ dàng, vì huyện Bằng Tuyên vốn là huyện Bình Tuyên, thuộc phủ Phú Bình, xứ Thái Nguyên, nhà Tây Sơn hủy chữ “Bình” (một tên khác của Nguyễn Huệ, và tước của ông là Bình vương), nên đổi thành “Bằng” (các đặc danh khác có chữ “Bình” cũng đổi như thế). An tạo mùa đông năm Tân Hợi, tức dương lịch năm 1791, một niên điểm thống nhất trên các hiện vật ấn Tây Sơn còn lại, chứng tỏ đây là một đợt xếp đặt hành chính lớn của vua Quang Trung.⁽⁷⁾

Về chức danh “quản lý” và “tả hữu quản lý”, Nguyễn Công Việt cũng cho biết: “*Khi lên ngôi năm 1788, Quang Trung Nguyễn Huệ đã chú ý xây dựng và củng cố chính quyền địa phương. Mô phỏng chế độ tổ chức huyện quan thời Hậu Lê với hai chức quan huyện trong một huyện, Nguyễn Huệ mới đặt chức quan ở cấp huyện với hai chức Tả quản lý và Hữu quản lý. “Tả quản lý thì coi việc hình luật, kiện tụng, Hữu quản lý thì coi về quân*

* Do khuôn khổ tạp chí có hạn, chúng tôi không thể đăng tải toàn văn các văn bản Hán Nôm trích dẫn trong bài này. Bạn đọc có nhu cầu, xin tham khảo cuốn *Văn bản Hán Nôm làng xã vùng Huế*, Bảo tàng Văn hóa Dân gian Huế sưu tầm và biên soạn, Nxb Thuận Hóa ấn hành, Huế, 2008. BBT.

đội, binh lính. Lại dùng người giàu có và thế lực ở địa phương làm Huyện trưởng, đốc suất việc lương thực cho quân đội.”⁽⁸⁾ Sách sử ghi như vậy nhưng trên thực tế chức Quản lý khắc trên ấn chúng tôi không thấy có chữ Tả quản lý hay Hữu quản lý. Có thể chức Quản lý đây là chức kiêm quản cả hai chức Tả quản lý và Hữu quản lý của huyện Bằng Tuyên.”⁽⁹⁾ Như vậy, cấp huyện có ba chức Tả quản lý, Hữu quản lý và Huyện trưởng, mỗi chức một việc khác nhau. Cấp trên huyện là trấn hay dinh thì ở Thuận Hóa không thấy, có lẽ huyện trực tiếp với triều đình Phú Xuân, được lục bộ chỉ đạo thẳng, không như các nơi khác. Ngay trong đơn trưng của nhân dân cũng không mấy khi liên quan đến cấp huyện.



Dấu Đại tuần kiểm chi ấn trên tờ phó của xã Hồng Ân đề ngày 17 tháng 9 năm Cảnh Thịnh 5 (1797).



Dấu ấn Trung Nghĩa đạo...Đô úy Hảo Hòa hầu trên tờ phó của xã Hồng Ân đề ngày 11 tháng Tám năm Cảnh Thịnh 3 (1795). Dấu kiểm “Tín ký”

Dù tổ chức hành chính khá toàn diện, nhưng vai trò của các cơ quan này không mạnh, vì nhà Tây Sơn trước sau vẫn theo chế độ “quân quản” do yêu cầu phải chấn hưng võ bị để đối phó với thời cuộc: nhà Thanh phương bắc và cựu Nguyễn phương nam. Các vấn đề địa phương, những việc đình, điền, thuế... hầu hết đều do các quân doanh đóng trên địa bàn giải quyết cấp thời, lý do khá đơn giản: quân đội cần nhân số, lương thực, tiền bạc, nên phải nắm chắc để dễ điều động. Đó là mặt mạnh của triều đại Tây Sơn. Xem dấu ấn chương trên văn bản Hán Nôm làng xã vùng Huế thì thấy rõ điều đó.⁽¹⁰⁾

Một văn bản của xã Hồng Ân, giấy cỡ vừa gấp đôi thành hai trang, mỗi trang khổ 17,5cm x 31cm; trang trước ghi nội dung, do 忠義道雄義六校都尉好和侯 Trung Nghĩa đạo Hùng Nghĩa lục hiệu Đô úy Hảo Hòa hầu chúng nhận hai ông Nguyễn Văn Chít và Nguyễn Văn Ngôi xã Hồng Ân vừa

nhập ngũ, mỗi khi bị địa phương gọi sưu dịch thì trình để được châm chước tha miễn. Trang sau đề 景盛三年八月十壹日 *Cảnh Thịnh tam niên bát nguyệt thập nhất nhật* (ngày 11 tháng Tám năm Cảnh Thịnh thứ ba, dương lịch: 23/9/1795); sát dưới chữ “日 *nhật*” đóng khuôn dấu cỡ 6,3cm x 9,0cm, đường gờ viền dày 0,8cm, khắc chữ triện nét hơi đậm chừng 0,1cm, bố trí bên phải 4 chữ, bên trái 5 chữ, đọc được 忠義道...都尉好和侯 *Trung Nghĩa đạo... Đô úy Hảo Hòa hầu*; trên chữ “壹 *nhất*” đóng chồng lên một dấu kiềm hình chữ nhật đứng cỡ 1,8cm x 3,1cm, khắc hai chữ 信記 *Tín ký* theo chiều dọc, nét rất mảnh (chữ “tín”, bộ “nhân” bao trùm ba mặt chữ “ngôn”). Ở chính văn còn có hai loại dấu kiềm, loại cỡ như trên đóng chồng lên các chữ tên người và tên huyện, xã (6 dấu); loại cỡ 1,8cm x 2,2cm, khắc hai chữ nét mảnh (không rõ), đóng chồng lên chữ “承付 *thừa phó*” ở trên dòng đầu và chữ “茲付 *tư phó*” ở cuối văn bản.

Một văn bản khác cùng kích cỡ, trang trước ghi nội dung bốn dòng, báo cho xã chính và xã sử xã Hồng Ân biết tên lính Nguyễn Ngọc Xuyên thuộc ngạch cũ tinh binh *Hùng Nghĩa lục vệ* (vệ 6 cơ Hùng Nghĩa), nay bỏ vào tinh binh vệ *Hổ Thành*, vì theo chiến trận nên không kịp đăng bạ; vậy xã nên châm chước cho tên ấy được miễn sưu dịch, chớ sách nhiễu. Trang này có hai loại dấu ấn kiềm, một loại hình bầu dục, khắc chữ không rõ (hình như cũng là “tín ký”), đóng chồng lên ba chữ mở đầu “付富榮 *Phó Phú Vang*...” và ba chữ kết thúc “咎茲付... *cừ. Tư phó*”; một loại hình chữ nhật đứng cỡ 1,3cm x 4,0cm, chữ khắc nét rất mảnh, không đọc được (trừ chữ “信 *tín*” cuối cùng), đóng chồng lên ba chỗ tên 阮玉川 *Nguyễn Ngọc Xuyên* (dòng 1), 虎成衛 *Hổ Thành vệ* (dòng 2) và 社政社史 *xã chính xã sử* (dòng 3). Trang sau chỉ một dòng niên đại chính giữa: 景盛三年十一月十貳日 *Cảnh Thịnh tam niên thập nhất nguyệt thập nhị nhật* (ngày 12 tháng Mười Một năm Cảnh Thịnh thứ ba, dương lịch: 22/12/1795), sát dưới chữ “nhật” và lệch về bên phải đóng khuôn dấu cỡ 6,3cm x 9cm, đường gờ viền dày 0,7cm, khắc 9 chữ: 右弼道管虎成衛銃司 *Hữu Bật đạo quản Hổ Thành vệ Súng ty*, chia ba dòng, dòng bên phải 3 chữ, dòng giữa 4 chữ, dòng bên trái 2 chữ, chiều cao các dòng bằng nhau, nét hơi mảnh, nhưng dễ đọc. Nhìn chung, quy cách đóng khuôn dấu không thống nhất.

Một tờ “phó” giấy gấp đôi thành hai trang, mỗi trang cỡ 18,5cm x 31,5cm, do “侍內振威一衛八校指揮力才伯 *Thị nội Chấn Uy nhất vệ bát hiệu chỉ huy Lực Tài bá*” (Chỉ huy Lực Tài bá ở hiệu 8 vệ 1 đạo Chấn Uy thuộc quân Thị nội) cấp cho phòng quân tên Tính, Phan Ngọc Lý đã đăng lính ở hiệu mình, để được miễn sưu dịch. Trang trước chính văn 4 dòng, đóng dấu kiềm rất nhỏ, cỡ 1,6cm x 1,8cm, chỉ khắc một chữ “記 *ký*” nét rất mảnh, ba dấu chồng lên các chữ “性潘玉理 *Tính Phan Ngọc Lý*” và một dấu dưới chữ “付 *phó*” cuối cùng. Trang sau, chính giữa là dòng ghi niên đại: 景盛元年五月初壹日 *Cảnh Thịnh nguyên niên ngũ nguyệt sơ nhất nhật* (ngày mùng 1 tháng Năm năm Cảnh Thịnh thứ nhất, dương lịch: 8/6/1793), ở dưới chệch về bên phải là hình khuôn dấu 8 cạnh, đóng hơi nghiêng, trong đó, hai

cạnh bên ngắn hơn và khuyết vào; đo ngoài biên, hai cạnh trên dưới mỗi cạnh 2,7cm, bốn cạnh bên mỗi cạnh 3cm, hai cạnh khuyết mỗi cạnh 2cm; đường gờ viền 0,4cm. Giữa mặt ấn khắc một hình chữ nhật đứng cỡ 3,2cm x 5,7cm, đường gờ mảnh, bao lấy ba chữ triện 鄧信記 *Đặng tín ký* (có lẽ Đặng là họ của viên quan võ), bố trí một dòng, nét rất mảnh. Chỗ trống hai bên khắc hoa văn hình học.

Ở làng Mỹ Lợi (thời Tây Sơn gọi là phường Mỹ Đồng, có lẽ đổi từ lúc quân Trịnh chiếm đóng Thuận Hóa; theo Hoàng Xuân Hãn, bấy giờ húy Trịnh Toàn) còn có một văn bản, tuy nói đơn “thân”, nhưng thực chất là tờ văn khế, khổ giấy lớn hai tờ gấp đôi thành bốn trang khổ chừng 19cm x 38cm, tờ đầu mặt trước chép nội dung xin bán ba “khẩu” vườn cho “mụ Viên y thời giá”, lấy tiền mười quan để mừng đội 鵬籠 *Bằng Lung* từ Quảng Nam trở về; mặt sau kê danh sách những người in dấu tay (5 người). Tờ thứ hai mặt trước ghi 景盛四年孟春月二十三日申 *Cảnh Thịnh tứ niên mịch xuân nguyệt nhị thập tam nhật thân* (ngày 23 tháng đầu mùa xuân năm Cảnh Thịnh thứ tư, dương lịch 2/3/1796); ngay dưới chữ “thân” đóng một khuôn dấu lớn hình chữ nhật đứng cỡ 8,5cm x 15cm đường gờ viền dày 1cm, khắc chín chữ 管中水支金山奇都督 *Quản Trung Thủy chi Kim Sơn cơ Đô đốc*, nét mảnh (ba chữ chúng tôi chưa đọc được), bố trí ba hàng, bên trái 4 chữ (管中水支 *Quản Trung Thủy chi*), giữa 3 chữ (金山奇 *Kim Sơn cơ*, tên một cơ lính thủy), bên phải 2 chữ (都督 *Đô đốc*); mặt sau để trống. Có lẽ đây là ấn của ông Đô đốc Nguyễn Văn Trị đóng giữ đồn trên núi Rùa (Quy Sơn) để giữ cửa Tư Dung (nay là Tư Hiền), sau bị quân Nguyễn đánh bại.

Qua những dấu ấn này, chúng ta thấy được hai điều. Một là tổ chức quân đội của nhà Tây Sơn theo các đơn vị từ trên xuống dưới: đạo, cơ, vệ, hiệu, đội, trong đó, Hữu Bật đạo có thể là quân chủ lực của vua Quang Trung, các vệ đều có tên riêng như vệ Võ Thành, vệ Hồ Uy..., còn các đạo khác như Hùng Nghĩa đạo, Hòa Nghĩa đạo, Chấn Uy đạo là quân địa phương; các vệ chỉ đặt tên theo số (vệ Nhất, vệ Nhị...), các hiệu cũng thế. Theo Nguyễn Công Việt, thời Tây Sơn có chức “suất”, vì ông đã trực tiếp chụp ảnh và công bố trên tạp chí *Khảo cổ học* số 1 năm 1989 với bài “Góp thêm một số tài liệu về ấn triện thời Tây Sơn”, một số ấn triện của Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam tại Hà Nội, trong đó có những ấn khắc các chữ 率中良二衛三校中郎將 *Suất Trung Lương nhị vệ tam hiệu Trung lang tướng*, 率雄拒開衛五校都司 *Suất Hùng Cự khai vệ ngũ hiệu Đô ty*. Để chứng minh đây là những ấn thời Tây Sơn, ngoài mấy chữ “Tân Hợi niên đông tạo” trên lưng ấn, ông còn cho rằng “suất” là một chức danh đặc biệt của triều đại này. Ông viết: “*Tổ chức quân đội Tây Sơn về cơ bản vẫn theo nguyên tắc ngũ ngũ chế*,⁽¹¹⁾ *nhưng cũng có những điểm mới. Sách Lê quý dật sử ghi lại vào tháng 12 năm Kỷ Dậu niên hiệu Quang Trung thứ 2 (1789), Tây Sơn định lại việc đặt quan chức, hàng quan văn có phân tri, hàng quan võ có phân suất... Quân sự thì đạo thống lĩnh cơ, cơ thống lĩnh đội, đều có viên phân suất cai quản huấn luyện. Như vậy ta có thể nói chức suất đã được đưa vào biên chế quân đội Tây Sơn một*

cách rộng rãi. Mỗi một chức đều có chức suất và thường có tên gọi kèm theo: Suất Trung Lương, Suất Hùng Cự v.v... Suất có khi đứng độc lập, có khi do chức khác kiêm quản.”⁽¹²⁾

Chúng tôi không nghĩ như vậy. “Phân suất” có thể là một chức danh, nhưng “suất” thì không phải, nhất là trong trường hợp này. Trên mặt ấn mà xét, thì chức danh chính là “Trung lang tướng” và “Đô ty”. Trong Hán văn, chức danh không bao giờ đặt trước tên đơn vị hay tên cơ quan như trong tiếng Việt (Ông làm chức Thượng thư ở Bộ Lại, viết là *Lại Bộ Thượng thư*, ông làm Đô đốc ở cơ Tả Thủy thuộc đạo Chính Thủy, viết là *Chính Thủy đạo Tả Thủy cơ Đô đốc*). Ở ấn thứ nhất, chức Trung lang tướng của hiệu 3 vệ 2 thuộc đạo (hay cơ) Trung Lương; ở ấn thứ hai, chức Đô ty của hiệu 5 vệ Khai đạo (hay cơ) Hùng Cự. Như vậy, “suất” đứng đầu nhóm là một động từ, có nghĩa chỉ huy, điều khiển, lãnh đạo (như đốc suất): chức Trung lang tướng chỉ huy hiệu 3 trong vệ 2 đạo Trung Lương, và chức Đô ty chỉ huy hiệu 5 của vệ Khai, đạo Hùng Cự. Tổ chức quân đội thời Tây Sơn thì đạo chia làm cơ, cơ chia làm vệ, vệ chia làm hiệu, và hiệu chia làm đội (ngoài ra, còn có chi, không rõ thuộc cấp nào). Đạo và cơ được đặt tên riêng. Vệ cũng có trường hợp đặt tên riêng, cũng có trường hợp dùng số mục như hiệu, đội. Hình như không có đơn vị “thuyền” như thời cụt Nguyễn.

Hai là các đơn vị quân đội đóng ở địa phương được toàn quyền mộ lính, rồi mới báo cho xã biết để chấm dứt việc bổ thuế má, sưu dịch hàng năm đối với người đã đăng lính, nhưng đồng thời phải giữ cho họ hưởng ruộng lương và ruộng khẩu phần; nếu không may họ chết đi (vì bệnh hay ra trận), thì thân nhân (vợ hay cha mẹ) được tiếp tục hưởng ruộng lương đến hết vụ mùa trong năm, còn ruộng khẩu phần thì hưởng đến hết tang. Vì có quyền lợi như thế, nên tráng đinh sẵn sàng gia nhập quân đội đóng trên địa bàn và yên tâm làm nhiệm vụ. Do đó, lực lượng Tây Sơn rất mạnh, vừa đông đảo, vừa chiến đấu nhiệt tình. Rõ ràng nhà Tây Sơn chưa ra khỏi chế độ quân quản, ngay cấp xã cũng không quản lý được dân trong xã, họ có thể tự ý đầu quân, rồi cấp chỉ huy mới báo về để điều chỉnh sổ sách. Rồi cấp huyện cũng chẳng biết làm gì ngoài việc thông báo chính sách của triều đình cho tổng xã. Tình hình không cho phép đổi khác, khi cuộc chiến vẫn còn quyết liệt giữa “cụt Nguyễn” và “tân Nguyễn”.

L N L

CHÚ THÍCH

- (1) “Kế chính nguyệt” không phải là “tháng Giêng nhuận”. Thông thường tháng nhuận thì viết rõ chữ “nhuận” (nhuận chính nguyệt: tháng Giêng nhuận). Nhưng năm này không nhuận. Đây có lẽ là một cách viết theo quy định, vì trong *Đại Nam thực lục*, sau khi mới lên ngôi, vua Minh Mạng đã “*Chuẩn định từ nay phần năm, tháng, ngày, gặp phải “cảnh mệnh” (là chữ “ngọ”), các văn thư của quan dân đưa lên, giao xuống thì cho viết thẳng tháng ấy ngày ấy, bất tất dùng chữ “kế” (như tháng 5 thì phải viết “kế tử nguyệt”) cùng những chữ “nhật tiến, nhật hậu” nữa*” (Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, bản dịch Viện Sử học, Nxb Giáo dục tái bản, Hà Nội, 2004, Tập hai, tr. 35). Vậy, “Kế chính nguyệt” là tháng Hai.
- (2) Nguyễn Công Việt, *Ấn chương Việt Nam*, Nxb KHXH, Hà Nội, 2005, tr. 260.

- (3) Hoàng tiên sinh không dẫn nguyên văn, cũng không phiên âm, ảnh chụp trong phần phụ bản lại nhỏ và mờ, chúng tôi không đọc được trọn vẹn, nên không thể chép lại đầy đủ.
- (4) Hoàng Xuân Hãn, *La Sơn phu tử*, Paris, 1952, tr. 132-133.
- (5) Nguyễn Công Việt, Sdd, tr. 260-261.
- (6) Nguyễn Công Việt, Sdd, tr. 245.
- (7) Bản sắc phong chức và tước cho Phan Huy Ích cũng trong đợt này.
- (8) Xem *Tây Sơn thuật lược*, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, Sài Gòn, 1971, tr. 111 (Lời chú của Nguyễn Công Việt).
- (9) Nguyễn Công Việt, Sdd, tr. 248.
- (10) Sau đây, chữ trên mặt ấn khá nhiều, những chữ chúng tôi chưa đọc được tạm để trống (thay bằng dấu chấm tròn trong chữ Hán, dấu 3 chấm trong chữ Việt), mong các vị thức giả xem hình, nếu biết xin vui lòng chỉ giáo, rất cảm ơn.
- (11) Chế độ mỗi bậc chia làm năm, như thời Lê lớn nhất là quân, gồm năm quân là Trung, Tiền, Hậu, Tả, Hữu, mỗi quân chia làm vệ, sở, cơ, đội, thuyền. Thời Nguyễn cũng năm quân, nhưng quân chia làm doanh (dinh), rồi đến vệ, cơ, đội (bỏ thuyền), chức nhỏ nhất là suất đội (chỉ huy một đội), suất thập (chỉ huy 10 lính trong đội).
- (12) Nguyễn Công Việt, Sdd, tr. 239-241.

TÓM TẮT

Quân Tây Sơn có mặt trên đất Thuận Hóa từ năm 1786, nhưng nhà Tây Sơn chỉ bắt đầu từ cuối năm 1788, trải qua hai triều Quang Trung (1788-1792) và Cảnh Thịnh (1793-1800). Với thời gian ngắn ngủi ấy, nhà Tây Sơn đã tổ chức được một hệ thống chính quyền từ trung ương đến địa phương, phản ánh qua những dấu ấn chương trên văn bản Hán Nôm vùng Huế như *Quảng vận chi bảo*, *Sắc mệnh chi bảo* của hoàng đế; *Triều đường chi ấn* của nhóm đại thần tin cẩn trong triều; ấn của sáu bộ; ấn quan phòng của các viên chức. Tuy nhiên, các cơ quan hành chính không có nhiều việc để làm, vì tất cả đều do quân đội chịu trách nhiệm, các đơn vị đóng trên địa bàn nào thì quản lý luôn ruộng đất, dân chúng của địa bàn ấy. Tình hình này phản ánh qua các văn bản về điền địa, tô thuế, dân đinh, đều do thủ trưởng các đơn vị ấy giải quyết, để lại dấu ấn chương đóng trên những tờ kê khai, đơn khiếu nại về các vấn đề này, như *Hữu Bất đạo quản Hồ Thành vệ Súng ty*, *Thị nội Chấn Uy nhất vệ bát hiệu chỉ huy Lực Tài bá*, *Quản Trung Thủy chi Kim Sơn cơ Đô đốc*. Nhà Tây Sơn với vốn vẹn 14 năm, chưa thể thoát khỏi chế độ quân quản trong buổi đầu, vẫn phải tập trung lực lượng quân sự để chống lại sự xâm lược của ngoại bang và thế lực Nguyễn Ánh đang phục hưng ở Gia Định.

ABSTRACT

THE DYNASTIC SEAL OF THE TÂY SƠN MONARCHY ON THE CHINESE AND NÔM TEXTS OF HUẾ

The army of Tây Sơn put in its presence in Huế since 1786, but the Tây Sơn Dynasty was officially established only since the late 1788, which was composed of the 2 reigns of King Quang Trung (1788-1792) and King Cảnh Thịnh (1793-1800). In such a short period of time, the Tây Sơn Dynasty succeeded to organize an administrative system for all levels from the central government down to the local administration, which is reflected through the dynastic seals printed on the Chinese and nom texts, the then official documents in connection with Huế such as *Quảng vận chi bảo*, *Sắc mệnh chi bảo* issued by the Tây Sơn Kings; "*Triều đường chi ấn*" issued by the group of trustworthy mandarins in the Court; The seals of the six ministries; The personal seals of the court officials. However, the administrative offices did not have much to do since the army took charge of almost everything: A military unit deployed at a place was to manage the land and control the people there, too. This situation is reflected through the fact that all the documents regarding agrarian matters, taxes, personnel were ratified by the military leader of the unit who left their seals on the declaration forms, or letters of complaints. The seals were *Hữu Bất đạo quản Hồ Thành vệ Súng ty*, *Thị nội Chấn Uy nhất vệ bát hiệu chỉ huy Lực Tài bá*, *Quản Trung Thủy chi Kim Sơn cơ Đô đốc*. The Tây Sơn Dynasty with its mere 14 years of existence could not have given up its preliminary military government for the demands to fight against foreign invasion as well as against the antagonist forces of Nguyễn Ánh reemerging in Gia Định.